|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN CẨM GIÀNG**TRƯỜNG TH THẠCH LỖI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 14/KH-THTL | *Thạch Lỗi, ngày 20 tháng 9 năm 2022* |

**KẾ HOẠCH**

**Phát triển đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý**

**Năm học 2022 - 2023**

**I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH:**

- Thông tư số 28/2020/TT- BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường Tiểu học;

- Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2018 về đổi mới chương trình SGK GDPT;

- Thông tư 16/2017/BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng BGD ĐT về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các CSGD PT công lập;

- Thông tư 27/2017/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 01 năm 2017 của Bộ GD ĐT quy định tiêu chuẩn, quyền hạn và cử GV làm TPT Đội TNTP Hồ Chí Minh trong các cơ sở GD công lập;

- Thông tư số 32/2018/TT- BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ GD & ĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông ;

- Thông tư 29/2017/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Bộ GD & ĐT Ban hành quy chế xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập;

- Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông;

- Thông tư 17/2018/TT- BGDĐT ngày 22/8/2018 về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với Trường Tiểu học;

- Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;

- Thông tư số 15/2017/TT-BGDĐT ngày 9/6/2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông kèm theo thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT; văn bản hợp nhất Thông tư ban hành quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông;

- Căn cứ vào kế hoạch phát triển của nhà trường giai đoạn 2020-2025;

 - Thực hiện Kế hoạch số: 32 KH/ PGD&ĐT- GDTH ngày 05/9/2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cẩm Giàng về việc thực hiện nhiệm vụ Giáo dục Tiểu học năm học 2022-2023;

 - Căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2022-2023 của Trường Tiểu học Thạch Lỗi;

- Căn cứ vào tình hình thực tế đội ngũ của nhà trường.

**II. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:**

**1. Thực trạng số lượng, cơ cấu đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý của nhà trường năm học 2022 - 2023:**

- Hạng trường : Hạng 3.

- Tổng số lớp năm học 2022-2023 : 10 lớp.

- Tổng số học sinh năm học 2022-2023: 300 em

Các năm học tiếp theo, giữ nguyên quy mô 10 lớp; Học sinh từ 300 đến 320 em. Trường thuộc khu vực đồng bằng.

- Tổng số GV, NV, CBQL: 19 người

Trong đó :

+ CBQL : 02 người.

+ Giáo viên: 15 người. (có 01 GV hợp đồng môn Tin học liên trường; 01 GV hợp đồng môn tiếng Anh và 01 giáo viên kiêm TPT).

+ Nhân viên: 02 người

**Cụ thể:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  **Số lượng****Đội ngũ** |  **Hiện có** | **Yêu cầu của CTGDPT 2018** |
| **Thừa** | **Thiếu** | **Cần bổ sung** |
| **1.Cán bộ quản lý** |  **2** | **0** | **0** | **0** |
| **2. Giáo viên** | **15** | **0** | **2** | **2** |
| **Cơ bản** | **10** | **0** | **1 (BC)** | **0** |
| **Giáo viên dạy chuyên** | **5** | **0** | **0** | **0** |
| Ngoại ngữ | 1(HĐ) | 0 | 1 (BC) | 0 |
| Tin | 1(HĐ) | 0 | 0 | 0 |
| Thể dục | 1 | 0 | 0 | 0 |
| Mĩ thuật | 1 | 0 | 0 | 0 |
| Âm nhạc | 1 | 0 | 0 | 0 |
| GVTPTĐ | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **4.Nhân viên** | **2** | **0** | **0** | **0** |
| Kế toán, văn thư-Y tế | 1 | 0 | 0 | 0 |
| Thư viện- thủ quỹ | 1 | 0 | 0 | 0 |
| Y tế | 0 | 0 | 0 | 0 |

- Giáo viên cơ bản: Đủ

- Giáo viên dạy chuyên:

+ GV Ngoại ngữ: Đủ

+ GV Tin học và thể dục: Đủ

+ GV Mĩ thuật, Âm nhạc: Đủ

+ GV làm công tác đội: 0,5

 - Thiếu 1 nhân viên phụ trách y tế

**2.Thực trạng đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý theo yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018;**

**2.1 Thực trạng đội ngũ giáo viên**

**\*** **Tổng số CBGVNV:   19 ngưởi. Trong đó :**
 +  Hiệu tr­ưởng:       01 đ/c + Giáo viên VH : 10 đ/c
 +  Phó hiệu trư­ởng: 01 đ/c + Giáo viên chuyên : 05 đ/c
 + Nhân viên: 02 đ/c

 **\* Trình độ học vấn:** +  Lớp 12/12: 18/18 đ/c; Tỷ lệ: 100%

 **\*Trình độ chuyên môn:**
 + Thạc sĩ : 1/19 đạt tỷ lệ: 5,2% ( Hiệu trưởng; có 01 đ/c Phó hiệu trưởng và 01 giáo viên đang theo học Cao học)

 + Đại học: 17/19 đạt  tỷ lệ 89,5 % ( Nết, Thịnh, Bích, Thoa, Tuyển, Nhung, Len, Tùng, Nguyễn Hạnh, Vũ Hạnh, Quỳnh, Dương, Tài, Giản, Quân, Lan, Phan Hạnh )

 + Cao đẳng: 1/19 đạt  tỷ lệ 5,2%; ( Trong đó: 01 đồng chí đang theo học cử nhân đại học: đ/c Lan Anh)

**\* Trình độ Chính trị**

+ TC LLCT :   02 /19 đạt  tỷ lệ 10,5%;

 **\* Trình độ QLGD; QLNN:**

+ Có CC BDQLGD :   02 /19 đạt  tỷ lệ 10,5 %;

+ Có CC BDQLNN :   01 /19 đạt  tỷ lệ 5,2 %;

**\* Trình độ Tin học**

+ Có CC Tin học A,B.. :   19 /19 đạt  tỷ lệ 100%;

**\* Trình độ Ngoại ngữ**

+ Có CC Tin học A,B.. :   19 /19 đạt  tỷ lệ 100%;

**\* Chuẩn CDNN**

 + Có CC **CDNN** :   19 /19 đạt  tỷ lệ 100%.

**2.2. Chất lượng đội ngũ**:

- Điểm mạnh: 100% CBGV-CNV có phẩm chất , năng lực tốt; trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng. Trong nhiều năm gần đây tỷ lệ Giáo viên giỏi từ cấp trường trở lên chiếm 80 % trong đó 6,6% giáo viên giỏi cấp Tỉnh , 13,3% giáo viên giỏi cấp huyện. 100% Giáo viên được tham gia tập huấn chương trình GDPT 2018.

- Điểm tồn tại, hạn chế: Có 01 giáo viên cao tuổi sinh 1970. Số giáo viên sắp về hưu trình độ ngoại ngữ và tin học còn hạn chế; ngại thay đổi; năng lực tổ chức HĐTN chưa cao.

- Vẫn còn 01 giáo viên có trình độ Cao đẳng đang theo học lớp Đại học.

**2.3. Thực trạng cán bộ quản lý**

- Điểm mạnh: Đủ về số lượng, năng lực quản lý tốt, nhiệt tình trách nhiệm trong công việc, dám nghĩ dám làm, sáng tạo linh hoạt xử lý tính huống. Cả 2 đồng chí CBQL đều có trình độ Đại học trở lên; TCCT; QLGD và được bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý trường học… Có 01 đồng chí có trình độ QLNN.

- Điểm tồn tại, hạn chế: Cả 02 đ/c quản lý đều mới được bổ nhiệm nên kinh nghiệm quản lý chưa nhiều.

**2.4. Thực trạng đội ngũ nhân viên**

- Điểm mạnh: Năng lực chuyên môn tốt, nhiệt tình, trách nhiệm cao. Đào tạo đúng chuyên ngành, 14/15 đ/c có trình độ Đại học, 01 đồng chí đang theo học lớp Đại học và 01 đồng chí đang theo học lớp Cao học.

- Điểm tồn tại, hạn chế: Thiếu 1 nhân viên y tế; Trình độ ngoại ngữ và tin học còn hạn chế;

**3. Các vấn đề về phát triển đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý cần tập trung giải quyết trong giai đoạn 2022 - 2023:**

- Nâng cao phẩm chất năng lực, đạo đức nghề nghiệp cho CBGV.

- Tạo điều kiện thuận lợi để 03 giáo viên tiếp tục tham gia khóa đào tạo nâng chuẩn đáp ứng với yêu cầu về chuẩn giáo viên Tiểu học theo quy định của Luật GD năm 2020.

- Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, đặc biệt nâng cao trình độ tin học và ngoại ngữ.

- Tiếp tục tổ chức cho CBGV tham gia các lớp tập huấn tiếp theo về chương trình GDPT 2018.

- Bố trí, sắp xếp chuyên môn phù hợp, phát huy tối đa năng lực sở trường đảm bảo đủ về số lượng và cơ cấu.

- Đảm bảo đầy đủ và kịp thời chính sách lương, phụ cấp, khen thưởng cho CBGV.

- Đề xuất cấp trên bổ sung thêm 1 nhân viên phụ trách y tế và thủ quỹ.

**III. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ**

***1. Xác định số lượng, cơ cấu đội ngũ GV, NV, CBQL cần bổ sung theo lộ trình thực hiện CT GDPT 2018 cấp tiểu học***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Năm họcMôn học | Số lượng hiện có | Số lượng cần bổ sung theo các năm học |  Ghi chú |
| 2023-2024 | 2024-2025 | 2025-2026 | 2026-2027 |
| **1.Cán bộ quản lý** |  **2** | **0** |  **0** |  **0** |  **0** | Số lượng nếu được bổ sung từ năm học 2023-2024 thì các năm tiếp theo giữ nguyên |
| **2.Giáo viên** | **15** | **02** | **0** | **0** | **0** |
| **Cơ bản** | 10 | 1 (BC) | 0 | 0 | 0 |
| **Giáo viên dạy chuyên** | 5 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Ngoại ngữ | 1(HĐ) | 1 (BC) | 0 | 0 | 0 |
| Tin |  1(HĐ) | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Thể dục | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Mĩ thuật | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Âm nhạc | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Công tác đội | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **4.Nhân viên** | **2** | **1** | **0** | **0** | **0** |
| Thư viện thiết bị-Thủ quỹ | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Kế toán, văn thư-Y tế | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Y tế và thủ quỹ-Thủ quỹ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Tổng** | **19** | **2** | **0** | **0** | **0** |

**2. Mục tiêu chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên giai đoạn 2020 - 2025 đáp ứng CT GDPT 2018 cấp tiểu học:**

***a. Mục tiêu về chất lượng đội ngũ giáo viên:***

**-** 100% GV được xếp loại khá trở lên về chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông trong đó 70% trở lên được xếp loại Tốt trong các năm học từ 2022-2023 đến các năm học tiếp theo.

- Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo: Đến năm học 2022-2023, 100% GV, NV, CBQL có trình độ đại học.

- Kết quả đánh giá viên chức hàng năm: 50% trở lên CB-GV-NV được xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 45% trở lên được xếp loại Hoàn thành nhiệm vụ ; 5 % trở xuống xếp loại Hoàn thành nhiệm vụ

- Mục tiêu năng lực giáo viên đáp ứng yêu cầu CT GDPT 2018:

+ 15/15 giáo viên đáp ứng tốt Chương trình GDPT 2018 đạt tỷ lệ 100%

+ 12/15 giáo viên có thể hỗ trợ đồng nghiệp triển khai CT GDPT 2018 đạt 80%.

- 15/15 giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng nhằm triển khai hiệu quả CT GDPT 2018 cấp tiểu học đạt 100%.

- 100% giáo viên hoàn thành chương trình bồi dưỡng thường xuyên theo Thông tư 17/2019/TT-BGD ĐT (120 tiết).

- 100% giáo viên hoàn thành các chương trình Bồi dưỡng thường xuyên do trường tổ chức.

- 01 giáo viên được Phòng GD cử đi bồi dưỡng giáo viên cốt cán chiếm tỷ lệ 6,6%.

- giáo viên được cử đi tập huấn nâng cao trình độ chiếm tỷ lệ 20%.

***b. Mục tiêu về chất lượng đội ngũ nhân viên:***

- Tỷ lệ nhân viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo: Đến năm học 2022-2023, 100% GV, NV có trình độ đại học đúng chuyên ngành .

- Kết quả đánh giá viên chức hàng năm**:**

+ Năm học 2021-2022: 2/2 nhân viên (tỷ lệ : 100%) được xếp loại Hoàn thành Tốt nhiệm vụ .

+ Từ năm học 2022-2023: 2/2 nhân viên (Tỷ lệ 100%) được xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ .

***c. Mục tiêu về chất lượng của đội ngũ quản lý:***

**-** 02/02 CBQL (tỷ lệ 100% ) đạt mức Tốt theo chuẩn Hiệu trưởng cơ sở GDPT trong các năm học từ 2022-2023 đến các năm học tiếp theo.

- Tỷ lệ CBQL đạt chuẩn và trên về trình độ đào tạo:

+ Năm học 2022-2023 có 02/02 CBQL đạt trình độ Cao học chiếm tỷ lệ 100%.

- Kết quả đánh giá viên chức hàng năm**:**  02/02 CBQL được xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chiếm tỷ lệ 100%.

- Mục tiêu năng lực CBQL đáp ứng yêu cầu CT GDPT 2018:

+ 02/02 CBQL đáp ứng tốt Chương trình GDPT 2018 đạt tỷ lệ 100%

+ 02/02 CBQL có thể hỗ trợ đồng nghiệp triển khai CT GDPT 2018 đạt tỷ lệ 100%.

- 100% CBQL hoàn thành chương trình bồi dưỡng thường xuyên theo Thông tư 18/2019/TT-BGD ĐT (120 tiết).

- 100% CBQL hoàn thành các chương trình Bồi dưỡng thường xuyên do trường tổ chức.

- 01/02 CBQL được cử tham dự các chương trình bồi dưỡng CBQLCSGD cốt cán đạt tỷ lệ 50%.

**IV. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN**

1. Tham mưu cho cơ quan quản lý về bổ sung đội ngũ đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp tiểu học gồm giáo viên còn thiếu so với thực trạng; giáo viên Ngoại ngữ biên chế; 01biên chế giáo viên văn hóa.

2. Phân công chuyên môn cho giáo viên đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp tiểu học, ưu tiên giáo viên lớp dạy thay sách giáo khoa theo lộ trình…

3. Bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp, nâng chuẩn trình độ của đội ngũ GV, NV, CBQL đáp ứng CT GDPT 2018; đặc biệt các nội dung thực hiện trải nghiệm…

4. Thực hiện tốt quy chế chuyên môn, nề nếp sinh hoạt chuyên môn, đa dạng hóa nội dung, hình thức tổ chức sinh hoạt chuyên môn đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình GDPT 2018;

5. Xây dựng cộng đồng học tập trong nhà trường tạo môi trường phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đáp ứng CT GDPT 2018;

 6. Kiểm tra đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo khách quan, công bằng, làm cơ sở thực hiện hiệu quả công tác thi đua khen thưởng, tạo động lực làm việc cho đội ngũ;

 7. Tạo môi trường làm việc lành mạnh, thân thiện cho GV, NV, QL;

 8. Đảm bảo mọi chế độ chính sách, động viên khen thưởng cho GV, NV, QL kịp thời;

 9. Thực hiện lộ trình nâng chuẩn trình độ cho giáo viên trong diện phải nâng chuẩn theo NĐ71/2020/NĐ-CP đảm bảo đúng yêu cầu của Luật giáo dục năm 2020.

**V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN GIẢI PHÁP**

***1. Tổ chức thực hiện phân công chuyên môn cho giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp tiểu học:***

**PHÂN CÔNG CHUYÊN MÔN CHO GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Họ và tên** | **Năm sinh** | **Nữ** | **Đảng viên** | **Hợp đồng** | **Trình độ + chuyên môn đào tạo** |
|
| Giảng dạy |
| Tổ CM | Lớp (Môn) | Số tiết |
| 1 | Chu Thị Nết | 1976 | x | x |   | ĐHSPTH | 1+2+3 | 1A | 22 |
| 2 | Dương Thị Thịnh | 1993 | x |   |   | ĐHSPTH | 1+2+3 | 1B | 23 |
| 3 | Nguyễn Thị Lan Anh | 1990 | x |   |   | CĐSPTH | 1+2+3 | 2A | 25 |
| 4 | Phạm Thị Bích | 1970 | x | x |   | ĐHSPTH | 1+2+3 | 2B | 24 |
| 5 | Nguyễn Văn Tuyển | 1979 | x | x |   | ĐHSPTH | 1+2+3 | 3A | 23 |
| 6 | Vũ Thị Thoa | 1987 | x |   |   | ĐHSPTH | 1+2+3 | 3B | 22 |
| 7 | Nguyễn Thị Nhung | 1973 | x | x |   | ĐHSPTH | 4+5 | 4A | 25 |
| 8 | Vũ Thị Len | 1988 | x | x |   | ĐHSPTH | 4+5 | 4B | 25 |
| 9 | Nguyễn Thị Hạnh | 1975 | x | x |   | ĐHSPTH | 4+5 | 5A | 23 |
| 10 | Phùng Duy Tùng | 1986 |   | x |   | ĐHSPTH | 4+5 | 5B | 23 |
| 11 | Trần Thị Quỳnh | 1993 | x | x |   | ĐHSP Âm nhạc+ CĐSPTH  | 4+5 | Âm nhạc | 22 |
| 12 | Vũ Thị Hạnh | 1987 | x | x |   | ĐHSP Mĩ thuật | 4+5 | Mĩ Thuật | 14 |
| 13 | Lê Đức Tài | 1989 |   |   |   | ĐHSP Thể dục | 1+2+3 | Thể dục | 26 |
| 14 | Nguyễn Thị Kim Dương | 1994 | x |   | x | ĐHSP NN | 4+5 | Tiếng Anh | 32 |
| 15 | Phan Thị Hạnh | 1977 | x | x |   | ĐHSPTH | 1+2+3 |   | 5 |
| 16 | Nguyễn Mạnh Thắng | 1973 |   | x |   | Thạc sĩ | 4+5 |   | 3 |
| 17 | Nguyễn Xuân Giản | 1981 |   |   |  x | ĐHTH |   | Tin học-CN  | 12 |

***2. Tổ chức thực hiện bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp của đội ngũ GV, NV, CBQL đáp ứng CT GDPT 2018***

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG BỒI DƯỠNG CHUYÊN MÔN CHO ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐÔNG PHONG

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | NỘI DUNG CÔNG VIỆC | THỜI GIAN | ĐỊA ĐIỂM | GV PHỤ TRÁCH | KẾT QUẢ CẦN ĐẠT | CÁCH THỰC HIỆN | GHI CHÚ |
| 1 | Khảo sát nhu cầu bồi dưỡng của giáo viên đáp ứng mục tiêu nâng cao năng lực chuyên môn | Tháng 8/2022; 2023; 2024; 2025 | Tại trường TH Thạch Lỗi | PHT, Tổ trưởng chuyên môn | 15/15 GV đăng ký nhu cầu bồi dưỡng | Phỏng vấn trực tiếp, thu thập nhu cầu bồi dưỡng |  |
| 2 | Hỗ trợ GV hoàn thành 120 tiết BDTX theo Thông tư 17 và 19/ 2019. | Tháng 9 các năm đến cuối năm học | Tại trường TH Đông Phong | HT, PHT, TTCM | 15/15 GV hoàn thành | Trao đổi trực tiếp |  |
| 3 | Phân công GV cốt cán, GV có năng lực triển khai chương trình GDPT 2018, kèm cặp, HD tại chỗ cho đội ngũ. | Tháng 9 đến hết tháng 10 mỗi năm học | Tại trường TH Đông Phong | Tính; Hải; Lê; Lụa; Hương ; Oanh; Ngân, Thúy; Tâm | 8 GV cốt cán, có năng lực hoàn thành nhiệm vụ, kèm cặp, hỗ trợ thành viên tổ mình. | Theo đơn vị tổ, khối chuyên môn |  |
| 4 | Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng GV tại trường thông qua các chuyên đề. | Từ đầu năm đến cuối mỗi năm học | Tại trường TH Đông Phong | 2/2 tổ chuyên môn | 15/15 giáo viên tham dự đầy đủ các chuyên đề bồi dưỡng tại trường | Tổ chức chuyên đề tập trung toàn trường hoặc bộ môn. |  |
| 5 | Kiểm tra đánh giá hoạt động bồi dưỡng | Tháng 5 hằng năm | Tại trường TH Đông Phong | HT, PHT, TTCM | 15/15 GV hoàn thành ND và đạt kết quả bồi dưỡng mức khá trở lên | Sử dụng rubric đánh giá |  |
| 6 | Xây dựng chương trình hỗ trợ GV sau bồi dưỡng | Tháng 6 đến hết tháng 7 mỗi năm | Tại trường TH Đông Phong | HT | Căn cứ kết quả đánh giá, HT xây dựng hoàn chỉnh chương trình hỗ trợ GV sau bồi dưỡng để đánh giá lại đạt kết quả cao hơn. | Trực tiếp cử các GV cốt cán cần kèm cặp, giúp đỡ GV. |  |

**VI. PHÂN BỔ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH**

1. Nhân lực: Các cá nhân giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý cùng các tổ, nhóm phối hợp thực hiện các giải pháp phát triển đội ngũ đã xây dựng;

2. Dự kiến thời gian hoàn thành: Triển khai thực hiện kế hoạch đầu năm học 2022 - 2023. Cuối mỗi năm học, hoàn thành kế hoạch bồi dưỡng, phát triển đội ngũ của năm học đó. Cuối năm học 2024 - 2025 hoàn thành kế hoạch phát triển đội ngũ giai đoạn 2020 - 2025.

3. Phân bố tài chính: Căn cứ vào dự toán ngân sách được giao. Đầu năm, phân bổ ngân sách cho bồi dưỡng, phát triển đội ngũ vào quy chế chi tiêu nội bộ trên cơ sở đề nghị của tập thể CBQL- GV-NV nhà trường, quy chế chi tiêu nội bộ, dự toán, quyết toán ngân sách năm trước liền kề và hướng dẫn chỉ đạo của đơn vị có thẩm quyền.

4. Cơ sở vật chất, thiết bị:

- Năm học 2022 - 2023: Cung cấp, mua sắm đầy đủ thiết bị tối thiểu ; Lớp 1; Lớp 2, lớp 3 theo TT05/2019/TT-BGD&ĐT; Lớp 3-4-5 theo TT15/2009/ TT-BGDĐT về ban hanh danh mục thiết bị cấp tiểu học, học liệu điện tử, sách giáo khoa cho học sinh, giáo viên, sách tham khảo và các thiết bị dạy học hiện đại cho giáo viên lớp 1; lớp 2, lớp 3. Bố trí đầy đủ phòng học, bàn ghế, bảng đạt chuẩn theo quy định.

- Năm học 2022- 2022: Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, đội ngũ cho lớp 3.

- Năm học 2023 - 2024: Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, đội ngũ cho lớp 4.

- Năm học 2024 - 2025: Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, đội ngũ cho lớp 5.

Trên đây là kế hoạch phát triển đội ngũ năm học 2022 - 2023 của Trường Tiểu học Thạch Lỗi. Đề nghị Cán bộ, giáo viên, công nhân viên thực hiện nghiêm túc, đúng theo kế hoạch của nhà trường đã đề ra. Nếu có ý kiến gửi về Ban giám hiệu giải quyết.

|  |  |
| --- | --- |
|  **Nơi nhận:***- PGD Cẩm Giàng ( để báo cáo)**- CBGV,NV ( Để thực hiện)**- Lưu VP* |  **HIỆU TRƯỞNG** **Nguyễn Mạnh Thắng** |